

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/04/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+P8+P10	7:25	12+3+7	0+0+0		4+6+12	0+0+0	
2		TD3 +TD1+C10	7:25	2+3+17	0+0+0		0+5+17	0+0+0	CHUYỂN P2 PAX TỪ TD3-TD1
3		P10+P2	7:25	15+7	0+0		15+7	0+0	
4		P9+BK10	9:25	15+7	0+0		11+11	0+0	
5		P2+P11	9:25	10+12	0+0		10+12	0+0	
6		TD1+TD2	9:25	20+2	0+0		13+9	0+0	
7		PPD-BK4+P9	11:25	11+9	0+0		5+17	0+0	
8		BK3+P2	11:25	9+13	0+0		4+18	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ BK15 - 3 NGƯỜI ĐI VỀ TRONG NGÀY

Đang thay log. 01/03

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/04/2019	TO: TD2 - P8 - P10	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTuấn - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CANH TAN	TD2				35	76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN THANG	TD2					55	NIPI	Vietnamese
3	NGUYEN VAN DUNG	TD2					66	NIPI	Vietnamese
4	HOANG VAN PHUONG	TD2	04	1	5		61	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN HUU LUU	TD2	07	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DUC TUNG	TD2	09	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH CONG	TD2					61	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DINH THANG	TD2	08	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN HONG LINH	TD2	10	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
10	IVANOV	TD2	11	1	5		114	KH-THAC	Russian
11	NGUYEN NGOC TUNG	TD2	14-15	2	12		60	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN THANH TUNG	TD2	05-06	2	15		75	CODIEN	Vietnamese
13	DUONG VAN TUAN	P8	12-13	2	19	50	61	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAM NGOC NAM	P8	14-15	2	19		69	XAYLAP	Vietnamese
15	HA VAN PHONG	P8	16	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN LINH	P10	59-60	2	8	15	50	YTE	Vietnamese
17	NGUYEN HO THIEN TAM	P10	65	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DUC PHUC	P10	64	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN THANG	P10	61	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN BAO LAM	P10	63	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN ANH KHOA	P10	62	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VAN NAM	P10	58	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	12	10	55	826	35	4		
2	P8	3	5	48	190	50	6		
3	P10	7	8	45	452	15	12		
TOTAL		22	23	148	1.468	100	22		
WEIGHT KG				148	1.468	100			

GRAND TOAL: 1.716 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/04/2019	TO: TD1 - CLO	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Phong - TRUÔNG - PTUÁN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DANG VIET KHOI	TD1	58	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN NHU BANG	TD1	59	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
3	SADOVNICHENKO D.A	TD1	55	1	10	30	95	KHOAN	Russian
4	KOROTKOV V.A	TD1	53	1	5		90	KHOAN	Russian
5	PHAM VAN BE NGHIA	TD1	56-57	2	17		65	BAKER HU	Vietnamese
6	HOANG VAN HUNG	CLO	10	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	SUKHOMLIN I.N	CLO	05	1	8		120	KHOAN	Rus
8	PHAN CONG PHU	CLO	08	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
9	LA VIET HUNG	CLO	04	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TUONG LONG	CLO	15	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC LY	CLO	09	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN SINH	CLO	11	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN DINH HAI	CLO	07	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN KIM HUNG	CLO	03	1	10	66	72	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN BUI QUANG	CLO	12	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
16	NGHIEM DINH TUAN	CLO	17	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
17	VUONG NGOC HOAN	CLO	14	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
18	VO VAN HUNG	CLO	13	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM TIEN VINH	CLO	16	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
20	DANG TRONG THUC	CLO	06	1	8		60	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN DUC NGHIA	CLO	18-19	2	17		70	DMC	Vietnamese
22	NGUYEN KHAC TRIEU	CLO	01-02	2	14		70	DMC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	5	6	45	390	30	5		
2	CLO	17	19	116	1.246	66	17		
TOTAL		22	25	161	1.636	96	22		
WEIGHT KG				161	1.636	96			

GRAND TOAL: 1.893 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/04/2019	TO: P10 - P2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VThắng - Khang - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM DUY QUANG	P10	75	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	76	1	4	25	70	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10	15	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HUYNH VU	P10	14	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THE HANH	P10	74	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TAT THANH	P10	19	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯỜNG VĂN MINH	P10					68	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC THANH	P10	16	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC TOÀN	P10	17	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
11	VU ĐÌNH CUONG	P10	600	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	73	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ CHI HIEU	P10	70	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	HA QUANG TRUNG	P10	18	1	10		46	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH BA NINH	P10	72	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
16	LAM TAN TOAN	P2	47	1	5		68	VMI	Vietnamese
17	LÊ QUỐC DUNG	P2	68-69	2	15	58	70	VMI	Vietnamese
18	BUI MINH TRI	P2	43-44	2	13	15	80	T-TIN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ĐANG	P2					80	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÀO VĂN ĐỨC	P2	45	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THE ANH	P2	46	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
22	VÔ ANH NGỌC	P2	42	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	15	14	83	983	25	15		
2	P2	7	8	47	507	73	7		
TOTAL		22	22	130	1.490	98	22		
WEIGHT KG				130	1.490	98			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/04/2019	TO: P9 - BK10	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTuấn - Toàn	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VASIAKIN	P9	08	1	15		116	KH-THAC	Russian
2	YAKIMIDI	P9	07	1	11		96	KH-THAC	Russian
3	LÊ VĂN LỢI	P9	06	1	7		67	YTE	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC BÌNH	P9	10	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	P9	11	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ MINH THUY	P9	04	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN BA KỶ	P9					81	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ VĂN THOẠI	P9	02	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO AN CHUNG	P9	01	1	3	40	68	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO THIÊN THUẬT	P9	67	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT THĂNG	P9					71	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ MINH THUY	P9					80	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN THIÊM	P9	14-15	2	10		55	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	P9	05	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ NGỌC THANH	P9	03	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	11	1	6	2	85	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ XUÂN THUY	BK10	08-09	2	18		67	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ TRỌNG LINH	BK10	10	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO TUÂN HUNG	BK10	12	1	6	55	55	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	04	1	7		75	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN CHI HÙNG	BK10	03	1	3		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	15	13	81	1.132	40	11		
2	BK10	6	7	44	419	57	11		
TOTAL		21	20	125	1.551	97	22		
WEIGHT KG				125	1.551	97			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/04/2019	TO: P2 - P11	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	60	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU PHI	P2					73	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM MINH DƯƠNG	P2	58	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ THANH LONG	P2	59	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ VĂN THỌ	P2	56	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN SÁCH ĐƠN	P2	57	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ HOANG NAM	P2	63	1	5	10	73	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC THẮNG	P2	60	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC LƯỢNG	P2	65	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH KIM	P2	62	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG HAI	P11	61	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VIỆT DŨNG	P11	59	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH THANH TAM	P11	54	1	4		89	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN HAI VIỆT	P11	60	1	6		86	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG SỸ NGỌC	P11	50	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TỬ THẮNG	P11	48	1	4	102	60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NAM	P11	51	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN CAO CHỈ	P11	52	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P11	57-58	2	5		81	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG TÂN	P11	49	1	2		55	PSV	Vietnamese
21	NGÔ VĂN THANH	P11	56	1	5		73	PSV	Vietnamese
22	VƯƠNG ĐỨC HUY	P11	55	1	10		98	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	10	9	47	726	10	10		
2	P11	12	13	57	866	102	12		
TOTAL		22	22	104	1.592	112	22		
WEIGHT KG				104	1.592	112			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/04/2019	TO: TD1 - TD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: VThắng - Khang - Năm	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH LUÂN	TD1	63-64	2	8		73	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THIỀU	TD1	67	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM ĐỨC TUÂN	TD1	65	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	62	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	61	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
6	ĐINH VĂN TRỌNG	TD1					67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRƯỞNG DUƠNG	TD1	66	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
8	BUI VĂN LỢI	TD1	73	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
9	BUI VĂN QUYẾT	TD1	68	1	8		85	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH TIỀN	TD1	71	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ TRỌNG HẠCH	TD1	69	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
12	MULNIUCHKIN V.V.	TD1	74	1	20		90	DVL	Russian
13	MESHKOV M.Y.	TD1	75-76	2	20		75	DVL	Russian
14	VŨ VĂN NAM	TD1	72	1	11		63	DVL	Vietnamese
15	TRẦN VĂN NGHĨA	TD1	80	1	11		84	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN HOÀNG	TD1	77-78	2	18		75	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU HÀ	TD1	79	1	11		74	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	TD1	70	1	4		70	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC ANH	TD2	18	1	5	35	68	CODIEN	Vietnamese
20	ĐẶNG SỰ	TD2	16-17	2	17		76	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	18	20	160	1.362	0	13		
2	TD2	2	3	22	144	35	9		
TOTAL		20	23	182	1.506	35	22		
WEIGHT KG				182	1.506	35			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/04/2019	TO: PPD - BK4 - P9	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTuấn - Toan	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VIET BINH	PPD	100	1	5		60	PSV	Vietnamese
2	PHAN TA DIEP	PPD	800	1	5		55	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN DUNG	BK4	70	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO ĐANG ĐUC	BK4					60	KH-THAC	Vietnamese
5	LE BA TUAN	BK4	97	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TIEN	BK4	82	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DUY NGOC	BK4	83	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG TRỌNG THAO	BK4	87	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN DINH NAM	BK4	86	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HIEU	BK4	88	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM TIEN DUNG	BK4	71	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
12	CHU TUAN ANH	BK4	98-99	2	8		65	CODIEN	Vietnamese
13	PHAM XUAN MANH	BK4	96	1	2		60	PSV	Vietnamese
14	PHAN QUOC DUNG	P9	23	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN HAI	P9	17	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN VAN DUNG	P9	16	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
17	HO SY BINH	P9	22	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM NGOC QUY	P9	21	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN HA	P9	20	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN BANG	P9	18	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN VAN TRI	P9	24	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN DUC BINH	P9	19	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	2	2	10	115	0	0		
2	BK4	11	11	52	736	40	5		
3	P9	9	9	40	606	0	17		
TOTAL		22	22	102	1.457	40	22		
WEIGHT KG				102	1.457	40			

GRAND TOAL: 1.599 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/04/2019	TO: BK3 - P2	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:55
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Phong - TRUÔNG - PTUÁN	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THỨC LỢI	BK3	40	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
2	VŨ DUY KHƯƠNG	BK3	44-45	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
3	AFANASEV	BK3	49	1	10		96	KH-THAC	Russian
4	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	BK3	42	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC THIẾT	BK3	43	1	3	50	69	KH-THAC	Vietnamese
6	TU TUẤN TU	BK3	47-48	2	11		83	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN LINH	BK3	50	1	4		68	NIPI	Vietnamese
8	TRẦN KHOA TRUÔNG	BK3	46	1	5		73	NIPI	Vietnamese
9	PHẠM BA BÌNH	BK3	41	1	3		63	PSV	Vietnamese
10	LÊ TUẤN VŨ	P2	78	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	68	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THANH SƠN	P2	77	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH PHONG	P2	75	1	6	72	73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	69	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM SY HIỆP	P2	66	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN KHÁC CÁN	P2	76	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	P2	67	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ TU KHA	P2	74	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC HÙNG	P2	73	1	13		60	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐÀO AN TUẤN	P2	70	1	8		52	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN SANG	P2	71-72	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	9	11	56	649	50	4		
2	P2	13	13	91	841	72	18		
TOTAL		22	24	147	1.490	122	22		
WEIGHT KG				147	1.490	122			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/04/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+TD5+CLO	7:25	11+6+5	0+0+0		10+6+6	0+0+0	
2		BK16+TD2	7:25	5+16	0+0		5+17	0+0	
3		PVD6+RC4	7:25	22+0	0+0		13+9	0+0	5 NGUOI VE TRONG NGÀY
4		T.UNG	7:30	17	0		18	0	
5		PVD6+BK3	9:25	22+0	0+0		19+3	0+0	
6		P8+CTK3	9:25	3+19	0+0		1+21	0+0	
7		PPD	9:25	22	0		22	0	
8		P2+CTK3	11:25	5+17	0+0		1+21	0+0	
9		PVD6+RP3	11:25	21+1	0+0		6+16	0+0	
10		BK5+P6+AMD	11:25	6+0+16	0+0+0		0+4+18	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/5 NGƯỜI PVD6 RA VỀ TRONG NGÀY
2/HÀNG DVL ĐI PVD6 (NẾU CÓ) PHẢI GỬI VÀO CHUYẾN 1 VÀ 2. CHUYẾN 3 KHÔNG CÒN TÀI

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/04/2019	TO: P7 - TD5 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - DTùng	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GONCHAROV SERGEY	P7	29-30	2	17		93	KHOAN	Russian
2	PHẠM VĂN THIẾT	P7	35	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THAI DƯƠNG	P7	32	1	10		50	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH TÍNH	P7	26	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẠO DANH THANH	P7	27	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẬU CAO KHANG	P7	28	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN ĐĂNG TÀI*PK-PVD	P7	33	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN VĂN THANH	P7	24	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	P7	31	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGÔ HỒNG GIANG	P7	25	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TÂN PHƯỚC	P7	34	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ NGỌC TŨ	TD5	94	1	8	20	70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC ĐẠI	TD5	96-97	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TRUNG	TD5	98	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TÂN PHONG	TD5	90-92	3	15		58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN KHÁC THANH CHUNG	TD5	93	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH TUẤN	TD5	89	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NAM THAI	CLO	28	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ QUY HOANG	CLO	26	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN HỮU TRUNG	CLO	27	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG TRẦN KHÁNH	CLO	25	1	7	20	70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN QUYẾT	CLO	29	1	2		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	11	12	70	752	0	10		
2	TD5	6	9	61	397	20	3		
3	CLO	5	5	21	337	20	6		
TOTAL		22	26	152	1.486	40	19		
WEIGHT KG				152	1.486	40			

GRAND TOAL: 1.678 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2019	TO: BK16 - TD2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LHaì - KHẢi - thông	ETA: 09:20
trang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGOC HA	BK16	83	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LIÊU	BK16	98-99	2	8	55	76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TUÂN	BK16	97	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HÀ	BK16	82	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ ĐÌNH CHIÊN	BK16	96	1	5		73	PSV	Vietnamese
6	GUSHEYNOV M.A	TD2	36	1	7		81	KHOAN	Russian
7	TÔ ĐÌNH TỰ	TD2	43	1	5		66	YTE	Vietnamese
8	CHU VĂN HUNG	TD2					62	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HAI	TD2	46	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
10	BUI HUU HONG	TD2					91	KHOAN	Vietnamese
11	VUONG DINH LIEN	TD2	34	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
12	LE VIET CHIEN	TD2	41	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
13	NGÔ VĂN BÁC	TD2	35	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN HUNG	TD2	40	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN HUNG HUNG	TD2	45	1	3		98	KHOAN	Vietnamese
16	CAO VĂN LỢI	TD2	44	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
17	MAI VĂN HOANG	TD2	39	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG VIỆT LINH	TD2	37	1	4	55	98	KHOAN	Vietnamese
19	LE MẠNH THĂNG	TD2	38	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
20	VĂN ĐÌNH QUANG	TD2	48-49	2	12	10	65	KHOAN	Vietnamese
21	ĐÀO XUÂN THỌ	TD2	42	1	5		68	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	5	6	36	356	55	5		
2	TD2	16	15	65	1.161	65	17		
TOTAL		21	21	101	1.517	120	22		
WEIGHT KG				101	1.517	120			

GRAND TOAL: 1.738 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2019	TO: PVD6 - RC4	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Thanh - ĐTuấn - Huy	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ DUY ĐÔNG	PVD6				40	70	D-HANH	Vietnamese
2	NGÔ VĂN LINH	PVD6					70	SAN BAY	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CHUNG	PVD6	83-84	2	5		59	D-HANH	Vietnamese
4	ĐÀO TIẾN TỰ	PVD6	85	1	8		60	D-HANH	Vietnamese
5	ĐOÀN QUỐC THỌ	PVD6	96	1	5		60	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN MINH	PVD6	89	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
7	NGÔ DỤC HOÀI	PVD6	91	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
8	BUI XUÂN THÈM	PVD6	92	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN QUANG	PVD6	17	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN DỤC THANG	PVD6	50-51	2	16		69	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THUY	PVD6	88	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
12	NGÔ ĐỨC THUẬN	PVD6	90,93	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN SY TOÀN	PVD6					70	D-HANH	Vietnamese
14	TRẦN BA PHƯƠNG	PVD6					65	D-HANH	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐỊNH	PVD6	82	1	11		74	KHOAN	Vietnamese
16	CAP VAN SEN	PVD6	72	1	4		59	KHOAN	Vietnamese
17	DO CONG CHINH	PVD6	81	1	15		71	KHOAN	Vietnamese
18	LE HONG PHONG	PVD6	79	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN QUANG KHAI	PVD6	86	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
20	DO VAN QUAN	PVD6	87	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM TRONG HUNG	PVD6	80	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	LE THANH TUNG	PVD6	49	1	10		85	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	22	21	158	1.517	40	13		
2	RC4	0	0	0	0	25	9		
TOTAL		22	21	158	1.517	65	22		
WEIGHT KG				158	1.517	65			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/04/2019	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:25
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: MTiến - Toàn	ETA: 10:40
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	BK THIE					67	PVD TRAIN	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC HIỆU	BK THIE	76	1	7		65	PVD TRAIN	Vietnamese
3	PHẠM QUANG QUY	BK THIE					62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG KIẾN	BK THIE					63	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN THUY	BK THIE	79	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ CHIẾN THẮNG	BK THIE	73	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGỌC TOÀN	BK THIE	74	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TRẦN SƠN	BK THIE	72	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH BẠC	BK THIE	68	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ QUỐC TIẾN	BK THIE	77	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG HIỆU	BK THIE	66	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ TIẾN VINH	BK THIE	78	1	3	120	65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HOA	BK THIE	67	1	4		65	PSV	Vietnamese
14	HỒ VĂN TÍNH	BK THIE	71	1	2		52	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	BK THIE	69	1	3		63	PSV	Vietnamese
16	LƯƠNG CÔNG ĐẠT	BK THIE	75	1	5		69	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LINH	BK THIE	70	1	4		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	17	14	64	1.099	120	18		
	TOTAL	17	14	64	1.099	120	18		
	WEIGHT KG			64	1.099	120			

GRAND TOAL: 1.283 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2019	TO: PVD6 - BK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Thanh - ĐTuấn - Huy	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN VY	PVD6	89	1	2		62	KHOAN	Vietnamese
2	HA TIEN DUAN	PVD6	88	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
3	HO MINH PHUC	PVD6	97	1	4		84	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG VU SINH	PVD6	94	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN BINH	PVD6	96	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
6	DO DANG NGUYEN	PVD6	93	1	2		61	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DUNG	PVD6	02	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM VAN QUAN	PVD6	600	1	9		71	KHOAN	Vietnamese
9	THAI VIEN	PVD6	398	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
10	LUONG VAN VINH	PVD6	399	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
11	AMINUR RASHID BIN YUSUP	PVD6	92	1	5	40	107	KHOAN	Malaysian
12	HA NGOC SON	PVD6	95	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN HUNG CUONG	PVD6	81	1	11		78	KHOAN	Vietnamese
14	BUI CONG HIEP	PVD6	82-83	2	17		70	KHOAN	Vietnamese
15	TA MINH UY	PVD6	85	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HIEU	PVD6	86	1	14		84	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN THANH	PVD6	84	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN ĐANG TUAN	PVD6	87	1	10		59	KHOAN	Vietnamese
19	LE PHU PHUC	PVD6	91	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
20	BUI VAN THICH	PVD6	03	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN DUY PHUC	PVD6	400,01	2	18		64	KHOAN	Vietnamese
22	TRAN VAN MANH	PVD6	90	1	10		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	22	24	176	1.552	40	19		
2	BK3	0	0	0	0	20	3		
TOTAL		22	24	176	1.552	60	22		
WEIGHT KG				176	1.552	60			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/04/2019	TO: P8 - CTK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HÙNG - Khang - DTùng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POSPELOV	P8	27	1	7		90	D-HANH	Russian
2	NGUYỄN HỮU VÂN	P8	24-26	3	17		80	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH TUE	P8	30	1	5		55	PSV	Vietnamese
4	LÊ HUY TÂM	CTK3	42	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH HẢI	CTK3	47	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH THANG	CTK3	45	1	12		67	XLAP	Vietnamese
7	TRẦN HỮU DUƠNG	CTK3	36-37	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC HIẾU	CTK3					60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HOÀNG HÀ	CTK3	48-49	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔ TRỌNG TUÂN	CTK3	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG VĂN MẠNH	CTK3	46	1	5	55	67	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	56	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN DÂN	CTK3	53	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ XUÂN ĐẠT	CTK3	43	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM TIẾN PHUƠNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CTK3	38	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TÙNG	CTK3	35	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG XUÂN SƠN	CTK3	39-41	3	17		60	KH-THAC	Vietnamese
19	MAKAROV O. B	CTK3	50	1	17		90	KH-THAC	Russian
20	LUÔNG TUÂN ANH	CTK3	51	1	9		89	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÀO VĂN MINH	CTK3	52	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ ĐỨC HIỆP	CTK3	44	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	3	5	29	225	0	1		
2	CTK3	19	21	138	1,345	55	21	+ 01	THAY CA DIEU PHAI CTK3,
TOTAL		22	26	167	1,570	55	22		Nguyễn Đình Hải
WEIGHT KG				167	1,570	55			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/04/2019	TO: PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: LHải - KHẢI - thông	ETA: 11:20
vang-2			

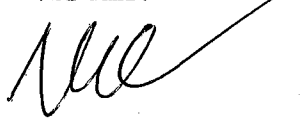
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VĂN THẮNG	PPD	70	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN QUY	PPD	61	1	5	70	70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC DU	PPD	68	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HAI	PPD	65	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
6	VÕ MẠU MÊN	PPD	55	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐÌNH TIỀN	PPD	52	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC HAI	PPD	54	1	11		86	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN ANH	PPD	62	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH HAI	PPD	57	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH SƠN	PPD	58	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THANH QUANG	PPD	51	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	50	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔ HIỂN THANH	PPD	53	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG TUẤN HUNG	PPD	64	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN BA	PPD	67	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NHÂN	PPD	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	63	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	DƯƠNG TÙNG HUYNH	PPD	56	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN PHONG	PPD	66	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	59	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	60	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

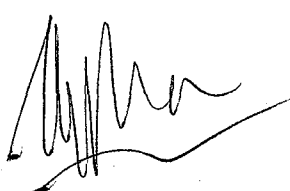
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	21	105	1.531	70	22		
	TOTAL	22	21	105	1.531	70	22		
	WEIGHT KG			105	1.531	70			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2019	TO: P2 - CTK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:40
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LHai - KHAI - thông	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN LAM	P2	01-02	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
2	LE VAN LAM	P2	03-04	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN VAN DAT	P2	06	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN THE ANH	P2	05	1	15		78	XAYLAP	Vietnamese
5	NGO DINH NHAT MINH	P2	07	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
6	NGO DINH THAM	CTK3	04	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI THANH HOAT	CTK3	22	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN DUC BAU	CTK3	10	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VAN NHUAN	CTK3	19	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MANH KHOAT	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
11	LAM TRONG DAI	CTK3	14	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MINH DIEN	CTK3	17	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HOANG TUNG	CTK3	11-12	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HONG MINH	CTK3	13	1	12		86	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VAN DIEM	CTK3	05-06	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
16	DUONG VAN BINH	CTK3	18	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN TRUNG KIEN	CTK3	07	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM THANH BINH	CTK3	03	1	5		90	ANTOAN	Vietnamese
19	TRUONG TAN LOI	CTK3	23-24	2	17	20	65	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN DINH PHUONG	CTK3	08-09	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
21	DANG THANH LONG	CTK3	20-21	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
22	VU QUOC VUONG	CTK3	15-16	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	5	7	69	355	0	1		
2	CTK3	17	22	136	1.177	20	21		
TOTAL		22	29	205	1.532	20	22		
WEIGHT KG				205	1.532	20			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/04/2019	TO: PVD6 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:00
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Khang - CHIẾN - TÙNG	ETA: 15:30
VANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC SƠN	PVD6	10	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
2	MAI THANH NAM	PVD6	13	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN QUOC HUONG	PVD6	12	1	10		99	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HÀ	PVD6	06	1	14		69	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN ĐẠO	PVD6	05	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN HUY	PVD6	04	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI VĂN TUÂN	PVD6	16	1	8		64	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG DINH THUAN	PVD6	09	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG THANH BINH	PVD6	11	1	13		60	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	PVD6	07-08	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
11	TA NGOC HIEU	PVD6	31-32	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAN TRỌNG THẮNG	PVD6	29	1	9		61	XAYLAP	Vietnamese
13	PHUNG QUANG ĐẠI	PVD6	17	1	16		70	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PVD6	24	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	PVD6	20-21	2	10		80	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐỖ TIẾN MẠNH	PVD6	14-15	2	20		76	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐOÀN QUANGTRUNG	PVD6	18-19	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HIỆP	PVD6	22-23	2	20		86	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN QUÂN	PVD6	25	1	15		57	XAYLAP	Vietnamese
20	TRƯƠNG VĂN NGHĨA	PVD6	30	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
21	NGHIÊM MINH XUAN TRUONG	PVD6	26-27	2	14	25	77	COKHI	Vietnamese
22	LÊ VĂN TRIỆU	RP3	89-90	2	5		76	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	21	28	281	1.486	25	6		
2	RP3	1	2	5	76	0	16		
TOTAL		22	30	286	1.562	25	22		
WEIGHT KG				286	1.562	25			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/04/2019	TO: BK5 - P6 - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Khang - CHIẾN - DTùng	ETA: 13:10
XANH-3			

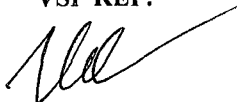
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN DANH LUẬT	BK5	66	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG KHOAI	BK5	70	1	7	29	62	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN GIA HIỆU	BK5	69	1	11	30	65	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN TUYẾN	BK5	67-68	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
5	HÀ VĂN TRƯỜNG	BK5	64	1	13		55	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN CÔNG	BK5	65	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM TUẤN HÀ	AMD	85	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	94	1	8	21	62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	49	1	6	25	50	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NAM TRUNG	AMD	81-82	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HOÀNG	AMD	87-88	2	8		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỒNG LINH (PVDT)	AMD	84	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ HỒNG THAI (PVDT)	AMD	83	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	89	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH HÀ	AMD	91	1	10		53	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN QUỐC VIỆT	AMD	98-99	2	11		77	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH PHÚC AM	AMD	86	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG CÔNG TÂN	AMD	50,78	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH CƯ	AMD	47-48	2	17		62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TỊNH	AMD	79-80	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN LỢI	AMD	90	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ XUÂN TUẤN	AMD	92-93	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

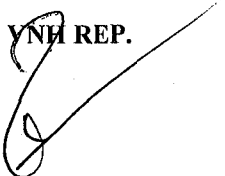
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	6	7	76	404	59	0		
2	P6	0	0	0	0	0	4		
3	AMD	16	23	139	1.069	46	18		
TOTAL		22	30	215	1.473	105	22		
WEIGHT KG				215	1.473	105			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

